

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-3-2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Chí Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thúy Phượng;

Ông Trần Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1975. (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Ngô Văn V, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án Bà Lê Thị P là nguyên đơn trình bày: Bà và ông Ngô Văn V chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Ngô Văn T, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thúy Y, sinh năm 2002, hiện 02 con đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông V ngoại tình và đánh đập bà, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn V.

Về con chung: 02 con chung tên Ngô Văn T, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thúy Y, sinh năm 2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị P không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà Lê Thị P khai bà và ông V không có nợ ai.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 26/10/2020 và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 28/10/2020 ông Ngô Văn V là bị đơn trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà P về thời gian chung sống, ông và bà P chung sống với nhau vào năm 2007 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Tân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Ngô Văn T, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thúy Y, sinh năm 2002, hiện 02 con đã trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống do bà P không đồng ý cho ông đi làm xa nhà, hai vợ chồng có cự cãi, ông có đánh bà P một cái rồi từ đó hai vợ chồng ly thân nhau khoảng 3 năm nay.

Về quan hệ hôn nhân: Bà P yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý mà xin đoàn tụ lại để nuôi dạy con.

Nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì về con chung: 02 con chung tên Ngô Văn T, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thúy Y, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông V khai ông và bà P không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn ông V chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147; 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị P. Cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Ngô Văn V. Về con chung: Đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản: Bà P và ông V không yêu cầu nên không xem

xét giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không xem xét. Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “Ly hôn” và bị đơn cư trú tại ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Ngô Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của bà Lê Thị P về việc yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn V, ông Ngô Văn V không đồng ý ly hôn mà có yêu cầu đoàn tụ, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của bà P nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà yêu cầu ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, ông V ngoại tình và đánh đập bà, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Ông V cũng thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng ông là do bất đồng quan điểm sống do bà P không đồng ý cho ông đi làm xa nhà, hai vợ chồng có cự cãi, ông có đánh bà P một cái rồi từ đó hai vợ chồng ly thân nhau khoảng 3 năm nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải động viên bà P và ông V tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Đồng thời ông V cũng không đưa ra được giải pháp để đoàn tụ.

Theo kết quả xác minh ngày 10/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè đối với bà Lê Thị P và bà Nguyễn Thị V đều xác định giữa bà P và ông V có thường xuyên cãi nhau, có lần xảy ra xô xát, ông V có đánh bà P từ đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và đã ly thân nhau mấy năm nay hiện tại không còn quan tâm gì đến nhau nữa.

Xét cuộc sống chung giữa bà P và ông V không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà P và ông V là trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân hơn 03 năm nay. Như vậy, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà P là phù hợp quy định pháp luật. Do đó, yêu cầu của bà Lê Thị P về việc ly hôn với ông Ngô Văn V là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Ngô Văn V đều khai các con chung là Ngô Văn T, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thúy Y, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về chia tài sản: Bà Lê Thị P và ông Ngô Văn V cùng thống nhất không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Lê Thị P và ông Ngô Văn V khai không có nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà Lê Thị P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị P.

Cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Ngô Văn V.

Về con chung: Bà Lê Thị P và ông Ngô Văn V đều khai 02 con chung là Ngô Văn T, sinh năm 1994 và Ngô Thị Thúy Y, sinh năm 2002 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản: Bà Lê Thị P và ông Ngô Văn V không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị P và ông Ngô Văn V khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Buộc bà Lê Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001777 ngày 12 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, bà P đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chí Công

